
Kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Phùng Thị Quỳnh Trang
Phạm Thị Hạnh
Học viện Phụ nữ Việt Nam

Bài học kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh tập trung: (i) Khung chính sách và khung phát lý cho doanh nghiệp xã hội; (ii) Chương trình hỗ trợ công nhằm mục tiêu xã hội; (iii) Hỗ trợ chuyên biệt và cơ sở hạ tầng cho doanh nghiệp xã hội; (iv) Mạng lưới các cơ chế hỗ trợ lẫn nhau; (v) Hệ thống chứng chỉ, nhân mác và đo lường, báo cáo tác động xã hội; (vi) Thị trường đầu tư xã hội. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội không chỉ là yêu cầu đối với Chính phủ mà còn là yêu cầu đối với doanh nghiệp, đến với từng người lao động và hiểu biết của toàn xã hội.

1. Đặt vấn đề

Theo Báo cáo nghiên cứu về doanh nghiệp xã hội (DNXH) tại Việt Nam có 12% DNXH tại Việt Nam hoạt động ở thị trường địa phương, 30.2% đang hoạt động tại thị trường quốc gia và 21.7% đang hoạt động trong thị trường quốc tế. 91% DNXH ở Việt Nam có kế hoạch nhân rộng/phát triển, chủ yếu dựa trên việc thu hút khách hàng mới và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. Lĩnh vực phổ biến nhất mà các doanh nghiệp xã hội Việt Nam hoạt động là nông nghiệp (35%). DNXH tạo ra cơ hội việc làm (60%), cải thiện chất lượng sống của cộng đồng (55%) và hỗ trợ những người yếu thế (42%), bảo vệ môi trường/tiết kiệm năng lượng (32%), cung cấp các sản phẩm/dịch vụ chất lượng (31%) và thúc đẩy sự gắn kết xã hội (30%). Trung bình, mỗi DNXH tại Việt Nam hỗ trợ gần 2.000 người, chủ yếu là từ các cộng đồng địa phương. Người hưởng lợi trong 27% DNXH là người bị khuyết tật; trong 27% DNXH là người bị thất nghiệp lâu năm và trong 25% DNXH là những người bị khiếm khuyết về khả năng học tập hoặc tinh thần, bao gồm trẻ em tự kỷ và trong 24% DNXH là người già. Như vậy, DNXH đã góp phần thực hiện dịch vụ công, giảm hoặc tiết kiệm ngân sách, thực hiện an sinh xã hội, tạo việc làm ổn định, tạo thu nhập tương đối cao cho nhóm yếu thế trong xã hội, ... DNXH âm thầm hoạt động và nhóm yếu thế chưa được quan tâm.

2. Khái niệm doanh nghiệp xã hội

Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) định nghĩa: “DNXH là bất kỳ doanh nghiệp (DN) nào tiến hành bất kỳ hoạt động mang tính tư hữu nào đều được thực hiện vì mục đích công cộng, được tổ chức với một chiến lược DN nhưng mục tiêu chính của nó không phải là tối đa hóa lợi nhuận mà là nhằm đạt

được các mục tiêu xã hội và kinh tế nhất định và có năng lực để mang tới những giải pháp sáng tạo đối với các vấn đề bất bình ổn của xã hội và nạn thất nghiệp” (Kean Birch & Geoff Whittam, 2006). Đây là một cách hiểu khá rộng, rất có thể những DN thông thường mà thực hiện tốt trách nhiệm xã hội (CSR) cũng bị “đánh đồng” như DNXH.

Khái niệm được nhiều người quan tâm xem xét là khái niệm của Chính phủ Anh: “DNXH là một mô hình kinh doanh được thành lập nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội và sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu” (Department for Business, Innovation and Skills, 2011). Đây là cách định nghĩa ngắn gọn nhưng bao hàm ý nghĩa cơ bản về DNXH.

Ở Việt Nam, chưa có một khái niệm chính thức về DNXH mà vẫn coi DNXH như một loại hình DN hoạt động kinh doanh thông thường nhưng khác ở mục tiêu và việc sử dụng lợi nhuận. Tuy nhiên, quy định này tương đối cụ thể về mục tiêu và cách sử dụng lợi nhuận (dành tối thiểu 51% lợi nhuận để tái đầu tư cho lợi ích cộng đồng). Đây là tiêu chí rõ nhất để phân biệt DNXH với DN thông thường.

Theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, dấu hiệu rõ nhất của một DNXH nằm ở hai điểm cơ bản là DN đó tồn tại nhằm mục đích phát hiện và giải quyết các vấn đề của cộng đồng, xã hội và phần lớn nguồn lợi nhuận thu được phải được dùng để tiếp tục đầu tư vì sự phát triển của con người và xã hội. Đây là hai yêu cầu bắt buộc đối với một DNXH, nếu thiếu một trong hai yếu tố trên thì không còn là DNXH nữa. Dựa vào những dấu hiệu nhận biết đặc trưng và phổ biến nhất của DNXH, nghiên cứu này lựa chọn khái niệm của Chính phủ Anh để tham khảo trong quá trình nghiên cứu.

3. Kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh

Theo ghi nhận của Mac Donald M. & Howarth C. (2008), mô hình DNXH đầu tiên xuất hiện tại London năm 1665. Khi đó, Đại dịch hoành hành khiến nhiều chủ xưởng công nghiệp rút khỏi thành phố gây ra tình trạng mất việc làm cho hàng nghìn người lao động nghèo, trước tình hình đó, Thomas Firmin đã sử dụng nguồn vốn cá nhân để thành lập một xí nghiệp sản xuất nhằm tạo việc làm cho 1.700 công nhân. Đồng thời ông tuyên bố lợi nhuận thu được sẽ sử dụng vào mục đích từ thiện. Trên thực tế, với truyền thống từ thiện của cha ông, một số người giàu có ở Anh đã chuyển đổi hoạt động từ thiện thành những chương trình có ích hơn mang lại sự phát triển bền vững hơn. Vì vậy, sang thế kỉ 18,19 xuất hiện một số mô hình tổ chức hoạt động khác nhau như Quỹ tín dụng vì mô (chủ yếu cho vay công cụ sản xuất); Trường dạy xe sợi, dệt vải cho những người mù nghèo; Trường giáo dưỡng, tái hòa nhập trẻ phạm tội; cơ sở đào tạo nghề mộc cho trẻ em; cung cấp nhà ở xã hội,... Đặc biệt, xuất hiện mô hình hợp tác xã hay làng nghề cho phép người lao động tham gia vào ký kết hợp đồng lao động, tham gia kế hoạch kinh doanh và quản lý tổ chức đồng thời được cung cấp phúc lợi.

Giai đoạn 1990-2006, hệ sinh thái DNXH ở Anh thực sự chuyển sang giai đoạn sinh sôi nảy nở, hàng loạt tổ chức/đơn vị mới với rất nhiều sự kiện, hoạt động cổ vũ, hỗ trợ, tạo đà cho DNXH phát triển.

Ở Anh có một số lượng lớn tác nhân/tổ chức tham gia vào hệ sinh thái DNXH. Họ chia những tác nhân/tổ chức đó thành 11 tác nhân chủ chốt.

Bảng 1. Các tác nhân/chủ thể trong hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội ở Anh

STT	Tác nhân/Chủ thể
1	Các nhà hoạch định chính sách - Các cơ quan Nhà nước thiết kế hoặc thi hành chính sách, hỗ trợ công cụ, giải pháp và cơ sở hạ tầng cho DNXH.
2	Khách hàng - người có quyền ký hợp đồng với DNXH.
3	Các cơ quan xúc tiến, xác nhận và trao giải thưởng cho DNXH.
4	Các tổ chức, các sáng kiến xã hội hay các DNXH thúc đẩy giáo dục và đào tạo tinh thần kinh doanh xã hội và giới thiệu về các mô hình.
5	Các tổ chức hoạt động như nhà quan sát, theo dõi sự phát triển và đánh giá các nhu cầu cơ hội của DNXH. Doanh nhân xã hội.
6	Các nhà cung cấp dịch vụ và cơ sở vật chất hỗ trợ cho DNXH khởi sự và phát triển (chẳng hạn như vườn ươm).
7	Các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.
8	Hỗ trợ học tập và trao đổi nền tảng cho DNXH.
9	Mạng lưới và hiệp hội (hỗ trợ) DNXH.
10	Các nhà cung cấp tài chính và các tổ chức trung gian.
11	Các tổ chức nghiên cứu.

Nguồn: European Commission (2014), "A map of social enterprises and their eco-systems in Europe, Country Report: United Kingdom"

Khung chính sách và khung pháp lý cho DNXH

(1) Khung chính sách

Từ năm 2001, Chính phủ Anh đã thành lập 1 bộ phận phụ trách riêng về DNXH và đưa ra Chiến lược phát triển DNXH với 3 mục đích chính: (1) Tạo môi trường thuận lợi về pháp lý và mua sắm công; (2) Làm

cho DNXH kinh doanh tốt hơn bằng cách cải thiện hỗ trợ kinh doanh và đào tạo, cung cấp và tài trợ tài chính; (3) Thiết lập giá trị của DNXH bằng cách cải thiện nền tảng tri thức, nhận biết, phát huy thành tựu của DNXH và tạo niềm tin. Năm 2004, Chính phủ Anh bổ sung thêm loại hình DN mới là Công ty vì lợi ích cộng đồng (CIC) với đặc tính dễ thành lập, linh hoạt, muốn sử dụng lợi ích và tài sản của mình để phát triển mục tiêu xã hội. Năm 2006, Bộ phận phụ trách DNXH lúc này là Văn phòng khu vực thứ ba công bố "Kế hoạch hoạt động DNXH: Mở rộng quy mô tầm cao mới" với một loạt các hoạt động cụ thể hơn như: thúc đẩy đào tạo trình độ cao, tài trợ các hoạt động cụ thể, mở Quỹ Đầu tư, khuyến khích Chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự liên kết chặt chẽ hơn. Năm 2010, chính sách của Chính phủ tập trung vào ba vấn đề cơ bản là: (1) Tạo thuận lợi hơn cho các DNXH, tổ chức từ thiện hoặc thiện nguyện; (2) Tăng cường tính độc lập và khả năng phục hồi của DNXH; (3) Tạo thuận lợi cho các DNXH làm việc với Nhà nước.

Năm 2011, Chính phủ đề ra một chiến lược về ưu đãi thuế và khung pháp lý nhằm khuyến khích đầu tư xã hội, đồng thời thành lập một tổ chức tài chính độc lập là Ngân hàng Big Society nhằm làm đòn bẩy tài chính cho DNXH. Năm 2013, Anh đã ban hành Luật Dịch vụ Công nhằm đảm bảo rằng sức mua của dịch vụ công phải hướng tới mục đích mang lại lợi ích cho xã hội và môi trường cũng như hiệu quả tài chính. Một số chính sách khác gần đây như: phát hành trái phiếu tác động xã hội và giảm thuế đầu tư xã hội vào năm 2014 nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng hơn nữa cho các tổ chức hoạt động vì mục tiêu xã hội. Hiện nay, Văn phòng dân sự đang tập trung vào chiến lược phát triển với ba mũi nhọn: (1) Tạo điều kiện dễ dàng hơn cho DNXH khởi sự kinh doanh và vận hành; (2) Tạo điều kiện cho DNXH phối hợp làm việc dễ dàng hơn với Nhà nước bằng cách tăng cường các cơ hội cho DNXH đẩy mạnh thương mại với khu vực công; (3) Tiếp nhận nhiều nguồn lực hơn cho DNXH.

(2) Khung pháp lý

Năm 2004 đánh dấu mốc quan trọng khi lần đầu tiên nước Anh tạo ra loại hình DN mới dành cho những ai mong muốn đầu tư lợi ích, tài sản của mình cho cộng đồng xã hội, đó là CIC-CIC (EC, 2014) khẳng định động thái này của Chính phủ nhằm "tạo ra hình thức pháp lý cho các DNXH phi từ thiện". Dù vậy, DNXH vẫn được tự do lựa chọn hình thức pháp lý. Có một số hình thức pháp lý khác mà DNXH cũng có thể đăng ký như CTCP, CTTNHH, ... Trên thực tế, hầu hết DNXH tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau là các công ty giới hạn về sự đảm bảo hoặc về cổ phần và áp dụng luật DN chung. Những DNXH đăng ký tại Nhà DN (Companies House) theo Luật DN 2004 (quy định về kiểm toán, điều tra và DN cộng đồng).

Có một loạt các nhà hỗ trợ DNXH ở Anh có khả năng tài trợ cho các hoạt động của DNXH. Những nguồn lớn như: nguồn tài trợ của Trường DNhXH hoặc tài trợ trực tiếp từ Chính phủ Anh, Quỹ Châu Âu, Quỹ xã hội. Tất cả các chương trình hỗ trợ đó đều nhằm đảm bảo một quá trình hỗ trợ xuyên suốt các giai đoạn mà DNXH hoạt động (khởi sự, giai đoạn ban đầu, giai đoạn tăng trưởng) với nhiều chương trình chuyên biệt như đào tạo, tư vấn, vườn ươm, ...

Như vậy, có thể thấy hệ sinh thái DNXH ở Anh ngày càng hoàn thiện với quy mô, số lượng, tầm ảnh hưởng, tác động rất lớn đến sự phát triển của cộng đồng, của DNXH. Chúng ta dễ dàng nhận thấy vai trò trọng tâm của hệ sinh thái đó chính là Chính phủ. Xuất phát từ nhận thức, Chính phủ đã định hướng và đề ra những chính sách quan trọng có tính chất đòn bẩy đối với cả hệ sinh thái nói chung và DNXH nói riêng. Theo đó, các mạng lưới liên kết hợp tác giữa các bên liên quan được thiết lập, tăng cường hoạt động mạnh mẽ.

4. Các bài học kinh nghiệm rút ra cho việc phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Dựa trên sự đối chiếu, so sánh các cấu phần ở Anh, nhóm tác giả đúc rút một số bài học kinh nghiệm phù hợp cho sự phát triển hệ sinh thái DNXH Việt Nam.

Thứ nhất, Chính phủ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong một số lĩnh vực có tính chất quyết định như xây dựng khung pháp lý, chính sách riêng cho DNXH, đề ra những chương trình hỗ trợ công, tác động đến thị trường đầu tư xã hội. Ở Anh cũng có một sự nỗ lực rất lớn từ phía Chính phủ. Vì vậy, đây là tiền đề cho sự gia tăng đáng kể số lượng vườn ươm DNXH, tăng cường mạnh mẽ cho đầu tư xã hội, tập trung vào việc đo lường các giá trị xã hội đạt được. Có thể hiểu rằng, mô hình DNXH đã xuất hiện từ lâu, nhưng chỉ đến khi có sự ủng hộ mạnh mẽ của Nhà nước bằng nhiều hình thức khác nhau thì DNXH mới thực sự lớn mạnh, nở rộ.

Thứ hai, vấn đề sống còn đối với DNXH đó là nguồn vốn/tài chính. Ở Anh đã thiết lập một thị trường đầu tư tác động, trong đó có sự tham gia của cả Chính phủ, các tổ chức và cá nhân. Các DNXH có cơ hội tiếp cận được các khoản tài trợ không hoàn lại từ tổ chức từ thiện và các tổ chức phi Chính phủ. Bên cạnh đó, số lượng đầu tư xã hội ngày càng tăng. Mặt khác, DNXH cũng có thể có các khoản vay có hoàn lại hoặc tiếp cận nguồn vốn đầu tư cổ phần giống như các DN vì lợi nhuận. Các loại tài chính/quỹ cung cấp cho DNXH như: các khoản tài trợ, tài trợ vi mô (thường sử dụng khi mới khởi nghiệp), tài trợ tín thác (tài trợ dựa trên sự tin tưởng), liên doanh các nhà từ thiện, các chương trình trợ cấp của Chính phủ và khu vực, đầu tư xã hội.

Thứ ba, đối với các hoạt động đào tạo - nghiên cứu, nhiều trường Đại học tại Anh đã tham gia vào chương

trình hỗ trợ cho các DNXH và coi đây như là một trong những hoạt động quan trọng đồng thời mở ra các trung tâm ươm tạo DN. Có những mạng lưới kết nối để sẵn sàng hỗ trợ một cách đồng đẳng cho DNXH, giúp họ nghiên cứu thị trường, phân tích tình hình, lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, mở các khóa đào tạo, cung cấp không gian văn phòng công cộng.

Thứ tư, đó là hỗ trợ trung gian. Đây là một cấu phần tại Anh tuy chưa có quy mô rộng lớn nhưng ở khu vực thành thị cũng đã xuất hiện tương đối nhiều mô hình hỗ trợ trung gian. Các hoạt động hỗ trợ trung gian được thực hiện dưới các hình thức như: tư vấn, nâng cao năng lực cho những DNhXH/DNXH; cung cấp nguồn lực và cơ sở hạ tầng, ươm tạo tinh thần kinh doanh xã hội hay ý tưởng sáng tạo xã hội; kết nối với các bên liên quan. Việt Nam chưa có điều kiện để phát triển nhiều tổ chức trung gian chuyên biệt thì có thể lồng ghép nhiệm vụ này vào các tổ chức hay mạng lưới có sẵn và đang hoạt động vì sự phát triển đa dạng và hiệu quả của các loại hình DN cũng như sự phát triển của xã hội nói chung.

Thứ năm, với hỗ trợ truyền thông, cần có nhiều phương thức để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và lan tỏa tinh thần kinh doanh xã hội. Ở Việt Nam hiện chưa có 1 tờ báo, trang báo điện tử nào chuyên biệt về DNXH, DNhXH hay kinh doanh xã hội. Trong khi ở Anh, những trang báo trong lĩnh vực này đã xuất hiện với một số lượng tương đối. Đây là lí do tại sao khái niệm, mô hình DNXH ở quốc gia này đó trở nên phổ biến, được hiểu một cách đầy đủ, trong khi đó ở Việt Nam rất ít người biết đến những khái niệm này./.

Tài liệu tham khảo

Department for Business, Innovation and Skills. 2011. A Guide to Legal Forms for Social Enterprise.

European Commission. 2014. A map of social enterprises and their eco-systems in Europe - Country Report: United Kingdom.

Hội đồng Anh, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. 2019. Báo cáo nghiên cứu hiện trạng Doanh nghiệp Xã hội tại Việt Nam

Kean Birch & Geoff Whittam. 2006. The Role of the Social Economy, Social Enterprise and Social Entrepreneurship in Sustainable Regional Development, Discussion Paper No.12, Centre for Public Policy for Regions.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. Luật Doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014.